

Bản án số: 05/2025/HS-ST

Ngày: 13/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Đô.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phước Trung.

2. Bà Trần Thị Kim Thắm.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Giàu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ:* Ông Phan Phát Tấn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Võ Văn T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/01/1990 tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: Ấp Trường A, xã Tân T, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ (nay là ấp Trường A, xã Tân T, thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn D, sinh năm 1962 và bà Lâm Thị B, sinh năm 1965; có vợ là Trần Thị Mỹ H, sinh năm: 1990 và 02 người con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/01/2025 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thành T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/10/1977 tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp Nhơn Phú 1, xã Nhơn N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp Nhơn Phú 1, xã Tân H, thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T(đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1944; có vợ là Nguyễn Minh H, sinh năm 1984 và 03 người con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án: Có 01 tiền án, cụ thể: Bản án số 12/2024/HS-ST ngày 27/3/2024 của

TAND huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, xử phạt 100.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”, đến nay chưa xóa án tích; tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 21/8/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xử phạt 09 tháng tù và 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) hình phạt bổ sung về tội đánh bạc, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích; bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/4/2025 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lã Văn H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/01/1951 tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp Nhơn Thọ 2, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ (nay là ấp Nhơn Thọ 2, xã Tân T, thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lã Văn L (đã chết) và bà Hồ Thị C (đã chết); có vợ là Mai Thị V, sinh năm 1958 và 02 người con (lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1996); tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, cụ thể: Ngày 07/01/2024 bị Công an huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ ngày 07/01/2024 về hành vi Đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo đã nộp phạt xong; Nhân thân: Xấu; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/3/2025 đến ngày 14/6/2025; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Kim Á, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu vực Phúc Lộc 1, phường Trung N, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực Phúc Lộc 1, phường Trung N, thành phố Cần Thơ). Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Lâm Thị B, sinh năm: 1965; địa chỉ: Ấp Trường A, xã Tân T, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ (nay là ấp Trường A, xã Tân T, thành phố Cần Thơ). Có mặt.

2. Bà Nguyễn Minh H, sinh năm: 1984; địa chỉ: Ấp Nhơn Phú 1, xã Nhơn N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp Nhơn Phú 1, xã Tân H, thành phố Cần Thơ). Có mặt.

Người làm chứng: Ông Phan Văn C, sinh năm: 1962; địa chỉ: Ấp Nhơn Phú 1, xã Nhơn N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp Nhơn Phú 1, xã Tân H, thành phố Cần Thơ). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Văn T, sinh năm 1990; nơi thường trú: Ấp Trường A, xã Tân T, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ (nay là ấp Trường A, xã Tân T, thành phố Cần Thơ) và bị cáo Nguyễn Thành T, sinh năm 1977; nơi thường trú: Ấp Nhơn Phú 1, xã Nhơn N, Châu Thành A, Hậu Giang (nay là ấp Nhơn Phú 1, xã Tân H, thành phố Cần Thơ) là bạn bè quen biết ngoài xã hội. Để có tiền phục vụ nhu cầu cá nhân, bị cáo Trường và bị cáo Tàu đã trao đổi thông nhất với nhau

cùng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Kim Á, sinh năm: 1984, nơi thường trú: Khu vực Phúc Lộc 1, phường Trung N, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực Phúc Lộc 1, phường Trung N, thành phố Cần Thơ). Cụ thể: Trước khi phạm tội Võ Văn T và bà Á có mối quan hệ giao dịch mua bán, bà Á là người xuất tiền mua sầu riêng, còn Trường là người đi kiếm nhà vườn có nhu cầu bán sầu riêng, khi mua bán xong tiền lời bà Á và bị cáo Trường chia đôi. Lợi dụng sự tin tưởng của bà Á, bị cáo Trường và bị cáo Tàu trao đổi với nhau, Tàu sẽ dẫn bà Á vào mua vườn sầu riêng của ông Phan Văn C (là anh rể của bị cáo Tàu) đang có trái gần tới thời gian thu hoạch và nhờ người đóng giả làm chủ vườn sầu riêng để bán cho bà Á nhằm chiếm tiền đặt cọc của bà Á, sau khi bàn bạc thống nhất với nhau. Bị cáo Tàu trực tiếp liên hệ với Lăng Văn H, nơi thường trú: Ấp Nhơn Thọ 2, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ (nay là ấp Nhơn Thọ 2, xã Tân T, thành phố Cần Thơ) thỏa thuận với ông Hồng đóng giả người làm chủ vườn sầu riêng thì Lăng Văn H đồng ý cùng với bị cáo Tàu, bị cáo Trường để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Á. Ngày 15/3/2024, bị cáo Trường điện thoại cho bà Á nói có vườn sầu riêng trái cần bán và hẹn bà Á trưa ngày 16/3/2024 sẽ dẫn bà Á đi xem sầu riêng. Như đã hẹn và thỏa thuận trước, bị cáo Tàu trực tiếp dẫn Lăng Văn H đến vườn sầu riêng tại ấp Nhơn Phú 1, xã Nhơn N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp Nhơn Phú 1, xã Tân H, thành phố Cần Thơ). Khi đến nơi, bị cáo Tàu kêu bị cáo Hồng đứng đợi tại vườn còn bị cáo Tàu đi đến cầu Cả Mả thuộc ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn N, huyện Châu Thành A (nay là ấp Nhơn Hòa, xã Tân H, thành phố Cần Thơ) để dẫn bị cáo Trường và bà Á vào xem vườn sầu riêng. Còn bị cáo Tàu đợi một lúc, sau đó Trường dẫn bà Á đến tại quán nước gần cầu Cả Mả thuộc ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp Nhơn Hòa, xã Tân H, thành phố Cần Thơ), bà Á đi với con gái và quen người tên Được.

Sau khi hai bên gặp nhau bà Á và bị cáo Hồng thỏa thuận thống nhất giá mua bán sầu riêng trái với giá 52.000đồng/kg (năm mươi hai nghìn đồng). Do bà Á không mang theo tiền mặt nên bị cáo Tàu chở bà Á đến chợ để chuyển khoản đổi lấy tiền mặt, sau đó bà Á quay trở lại cùng bị cáo Tàu, bà Á đưa cho bị cáo Hồng số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và hẹn ngày đến hái trái thì tất cả ra về. Bị cáo Trường, bị cáo Tàu và bị cáo Hồng tất cả hẹn nhau ra thị trấn Phong Điền uống cà phê, tại đây bị cáo Hồng đưa số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền đặt cọc mua sầu riêng trái của bà Á cho bị cáo Trường, sau đó bị cáo Trường đưa lại cho bị cáo Hồng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), số tiền còn lại 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng) thì bị cáo Trường cất giữ.

Sau khi về nhà bà Á xem lại biên nhận tiền đặt cọc sầu riêng thì phát hiện không có ghi ngày nhận tiền nên bà Á liên hệ bị cáo Trường để bổ sung ngày nhận tiền, thì bị cáo Trường hứa sẽ gặp ông Tài (bị cáo Hồng giả danh) để bổ sung ngày nhưng bị cáo Trường không thực hiện mà cắt liên lạc với bà Á. Sau đó, bà Á phát hiện người bán sầu riêng bán cho bà không phải chủ vườn nên bà Á đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Về vật chứng thu giữ trong vụ án: Tạm giữ 7.000.000 đồng do bà Nguyễn Minh H nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo Nguyễn Thành T và 3.000.000 đồng do bị cáo Lăng Văn H nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo Võ Văn T đã khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại đã nhận đủ tiền không yêu cầu bồi thường thêm.

Về trách nhiệm hình sự bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKS-HCTA ngày 27/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ) đã truy tố các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Thành T, Lăng Văn H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Bà Lâm Thị B và bị cáo Nguyễn Thành T, bị cáo Lăng Văn H thống nhất thỏa thuận là bị cáo Nguyễn Thành T có nghĩa vụ trả lại cho bà Lâm Thị B số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo Lăng Văn H có nghĩa vụ trả lại cho bà Lâm Thị B số tiền 3.000.000 đồng. Số tiền còn lại, bà Bông không yêu cầu

Đối với số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) bà Nguyễn Minh H nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo Nguyễn Thành T. Tại phiên tòa bà Hạnh đồng ý dùng số tiền này để trả cho bà Bông như thỏa thuận của bị cáo tài với bà Bông. Bà Hạnh không yêu cầu bị cáo trả lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Thành T, Lăng Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Thành T, Lăng Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 17; Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Võ Văn T từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/01/2025. Đề nghị tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày 13/8/2025 để đảm bảo việc thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 17, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thành T từ 12 đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/4/2025. Đề nghị tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày 13/8/2025 để đảm bảo việc thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 17, Điều 38, điểm b, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Lăng Văn H từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tiếp tục tạm giữ 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) do bà Nguyễn Minh H nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo Nguyễn Thành T nộp và 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) do bị cáo Lăng Văn H nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ để bảo đảm thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thành T, bị cáo Lăng Văn H và bà Lâm Thị B là bị cáo Nguyễn Thành T có nghĩa vụ trả lại cho bà Lâm Thị B số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo Lăng Văn H có nghĩa vụ trả lại cho bà Lâm Thị B số tiền 3.000.000 đồng.

Án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu theo quy định.

Bị cáo Võ Văn T nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật nên xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo hứa sẽ không tái phạm.

Bị cáo Nguyễn Thành T nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lăng Văn H nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt, người làm chứng ông Phan Văn C vắng mặt không có lý do. Sự vắng mặt của những người này không làm trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hành vi phạm tội: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản hỏi cung các bị can, lời khai bị hại, lời khai của người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận như sau:

Với động cơ tư lợi cá nhân và để có tiền tiêu xài cho cá nhân, các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Thành T, Lãng Văn H đã bàn bạc thống nhất với nhau đưa ra thông tin giả, không có thật để lừa dối bà Nguyễn Thị Kim Á là người mua bán sầu riêng đến vườn sầu riêng của người khác (Phan Văn C) tại ấp Nhơn Phú 1, xã Nhơn N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp Nhơn Phú 1, xã Tân H, thành phố Cần Thơ) để bán sầu riêng trái và chiếm đoạt tiền đặt cọc của bà Á 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có khai báo chưa thật sự thống nhất về việc phân chia và số tiền còn lại sau khi chiếm đoạt, nhưng tất cả các bị cáo đều thừa nhận đã cùng nhau thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) của bà Nguyễn Thị Kim Á. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Thành T, Lãng Văn H nhận thức được hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với lỗi cố ý, nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền của bà Á, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, được pháp luật Hình sự bảo vệ nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 35/CT-VKS-HCTA ngày 27/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ) đã truy tố các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Thành T, Lãng Văn H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Quyết định hình phạt:

Về nhân thân: Bị cáo Võ Văn T chưa có tiền án, tiền sự nên được xem là có nhân thân tốt. Bị cáo Nguyễn Thành T có 01 tiền án và bị cáo Lãng Văn H có 01 tiền sự nên bị xem là có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thành T có 01 tiền án, cụ thể: Bản án số 12/2024/HS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, xử phạt 100.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”, đến nay chưa xóa án tích. Bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên bị xem là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Võ Văn T, Lãng Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Mặc dù trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có khai báo chưa thật sự thống nhất về số tiền đã chiếm giữ sau khi thực hiện hành vi phạm tội, song các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với bà Nguyễn Thị Kim Á. Xét nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử đánh giá các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, các bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Lăng Văn H là người trên 70 tuổi, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Căn cứ vào nội dung vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi của các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Thành T và Lăng Văn H là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đã có sự bàn bạc, thống nhất ý chí với nhau về việc lừa đảo chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) của bà Nguyễn Thị Kim Á, tuy nhiên đây chỉ là sự cấu kết nhất thời để thực hiện một lần phạm tội, không có tổ chức chặt chẽ, không phân công vai trò một cách chuyên nghiệp, không ai giữ vai trò chủ mưu, cầm đầu hoặc chỉ huy. Mỗi bị cáo đều trực tiếp thực hiện một phần hành vi khách quan của tội phạm: Võ Văn T là người liên hệ, đưa thông tin gian dối; Nguyễn Thành T dẫn dắt các bên đến địa điểm và hỗ trợ quá trình giao nhận tiền; Lăng Văn H giả danh chủ vườn để nhận tiền từ bị hại. Hành vi của các bị cáo có mối liên hệ chặt chẽ về mặt ý chí, cùng hướng đến mục đích chiếm đoạt tài sản, nhưng chỉ dừng lại ở mức đồng phạm giản đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Nguyễn Thành T có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án về tội “Tổ chức đánh bạc” chưa được xóa án tích, phạm tội lần này khi chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm, đồng thời có vai trò tích cực trong việc dẫn dắt bị hại, kết nối đồng phạm và trực tiếp tham gia vào quá trình phạm tội, do đó phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc nhất trong số các bị cáo. Bị cáo Võ Văn T tuy không có tiền án, tiền sự nhưng là người trực tiếp liên hệ với bị hại, đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại nên mức hình phạt phải nghiêm khắc hơn bị cáo Lăng Văn H. Đối với bị cáo Lăng Văn H, tuy tham gia thực hành nhưng vai trò hạn chế, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả và là người trên 70 tuổi, nên được xem xét áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất trong các bị cáo.

Từ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích, tuân thủ pháp luật, đồng thời góp phần răn đe, phòng ngừa chung tội phạm trong xã hội.

[2.3] Đối với ông Phan Văn C là chủ vườn sầu riêng tại ấp Nhơn Phú 1, xã Nhơn N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, vào ngày 16/03/2024 ông Cơ không kêu ai bán sầu riêng trái, cũng không thuê mướn người làm trung gian để đứng ra bán sầu riêng trái tại vườn của ông, còn việc bị cáo Trường, Tàu, Hồng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Á ông Cơ không biết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại xong nên không xem xét.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) bà Nguyễn Minh H nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo Nguyễn Thành T và bị cáo Lăng Văn H nộp 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để khắc phục hậu quả. Do bà Lâm Thị B là mẹ của bị cáo Trường đã trả thay số tiền các bị cáo chiếm đoạt của bị hại. Tại phiên tòa bị cáo Tàu, bị cáo Hồng và bà Bông thống nhất thỏa thuận là bị cáo Nguyễn Thành T có nghĩa vụ trả lại cho bà Lâm Thị B số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo Lăng Văn H có nghĩa vụ trả lại cho bà Lâm Thị B số tiền 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Số tiền còn lại, bà Bông không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) bà Nguyễn Minh H nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo Nguyễn Thành T. Bà Hạnh không yêu cầu bị cáo trả lại nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) do bà Nguyễn Minh H nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo Nguyễn Thành T nộp và 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) do bị cáo Lăng Văn H nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ để bảo đảm thi hành án.

[2.6] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Thành T và Lăng Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 17, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Võ Văn T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/01/2025. Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Văn T 45 ngày kể từ ngày 13/8/2025 để đảm bảo việc thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 17, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/4/2025. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thành T 45 ngày kể từ ngày 13/8/2025 để đảm bảo việc thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 17, Điều 38, điểm b, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lăng Văn H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Lăng Văn H chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) do bà Nguyễn Minh H nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo Nguyễn Thành T nộp và 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) do bị cáo Lăng Văn H nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ để bảo đảm thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thành T, bị cáo Lăng Văn H và bà Lâm Thị B như sau: Bị cáo Nguyễn Thành T có nghĩa vụ trả lại cho bà Lâm Thị B số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), bị cáo Lăng Văn H có nghĩa vụ trả lại cho bà Lâm Thị B số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Thành T và Lăng Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Thành T và Lăng Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại Nguyễn Thị Kim Á có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lâm Thị B, bà Nguyễn Minh H có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 14 – Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự thành phố Cần Thơ;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ;
- Phân trại tạm giam khu vực Châu Thành A, thuộc trại tạm giam số 3, Công an thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Đô